

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/02/2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Đức** – Ông **Trần Văn Đức**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16 /2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1991; Có mặt

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn L**, sinh năm 1989; Vắng mặt

Địa chỉ: Khu phố 8, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17.02.2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị A trình bày:

Bà A và ông Trần Văn L tìm hiểu, yêu thương nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 05/6/2015.

Sau khi sinh con đầu thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp nhau, ông L sống thiếu trách nhiệm, không có công việc ổn

định, không đóng góp vào chi phí sinh hoạt của gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vợ chồng bà đã không còn chung sống từ tháng 01/2020. Bà A không còn tình cảm với chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Bà A và ông L có 02 con chung là: Trần Diệp Bảo Ngọc, sinh ngày 12/7/2017 và Trần Nhật Nam, sinh ngày 13/01/2016. Hiện nay, cháu Ngọc sống với bà A, còn cháu Nam sống với ông L. Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc, giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam và bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đối với bị đơn - ông Trần Văn L:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, các văn bản tố tụng khác đối với ông Trần Văn L nhưng ông L không chấp hành, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa. Tại phiên tòa hôm nay, ông L vắng mặt không lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A.

- Về con chung: Giao cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Diệp Bảo Ngọc, sinh ngày 12/7/2017, giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật Nam, sinh ngày 13/01/2016.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn L là hợp pháp. Theo bà A trình bày, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tính cách của ông bà không hợp, ông L sống thiếu trách nhiệm, không có công việc ổn định, không đóng góp vào chi phí sinh hoạt của gia đình. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà A và ông L xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau và đã không còn chung sống chung từ tháng 01/2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông L vắng mặt không lý do, bà A kiên quyết yêu cầu ly hôn. Điều này thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại, vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị A là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà A và ông L có 02 con chung là Trần Nhật N, sinh ngày 13/01/2016 và Trần Diệp Bảo Ng, sinh ngày 12/7/2017. Bà A yêu cầu được nuôi cháu Ng, giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu N. Xét thấy hiện bà A hiện có công việc, thu nhập ổn định, đảm bảo để nuôi dưỡng một người con chung. Thực tế cháu Ng hiện sống với bà A, cháu N hiện sống với ông L. Qua xác minh tại địa phương, cháu N hiện sống với ông L và phát triển bình thường, ông L không có văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu về con chung của bà A. Do đó, giao cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Diệp Bảo Ng, giao cho ông Trần Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nhật N là phù hợp theo quy định tại tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 21, 28, 35, 39, 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Nguyễn Thị A ly hôn ông Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung: Trần Diệp Bảo Ng, sinh ngày 12/7/2017 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao con chung: Trần Nhật N, sinh ngày 13/01/2016 cho ông Trần Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị A và ông Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001267 ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND xã, phường nơi ĐKKH,
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hoa Nga

